

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL – TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Quốc Bảo**

2. Ông **Danh Hưởng**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Anh Phan Trọng H, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T, xã VT, huyện PL, tỉnh BL. (Vắng mặt)*

2. *Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T, xã VT, huyện PL, tỉnh BL. (Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan Trọng H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Đ tự nguyện sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng anh đã không sống chung từ tháng 5 năm 2023 đến nay do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có hai người con chung là Phan Hồng C, sinh ngày 05/02/2017 và Phan Quỳnh G, sinh ngày 07/01/2020, hiện đang sống với chị

Đ. Anh H yêu cầu G hai người con chung cho chị Nguyễn Thị Kim Đ tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Đ.

+ Về con chung: Tiếp tục G cháu Phan Hồng C, sinh ngày 05/02/2017 và Phan Quỳnh G, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đ, chị Đ đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H và chị Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh H và chị Đ tự nguyện sống chung từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Đ là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh H và chị Đ đã không sống chung từ tháng 5 năm 2023 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh H và chị Đ không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập chị Đ nhiều lần nhưng chị Đ vẫn không đến, như vậy chị Đ đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh H và chị Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H ly hôn với chị Đ.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của anh H thì anh H và chị Đ có hai người con chung là Phan Hồng C, sinh ngày 05/02/2017 và Phan Quỳnh G, sinh ngày 07/01/2020, hiện đang sống với chị Đ. Chị Đ đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu G con chung của anh H nhưng chị Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh H. Xét thấy, cháu C và cháu G sống cùng với chị Đ từ khi ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh H đồng ý G cháu C và cháu G cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS năm 2015, phải lấy ý kiến của con chung 7 tuổi trở lên. Tuy nhiên, cháu C hiện tại đang sống với chị Đ và chị Đ không hợp tác nên không tiến hành lấy được lời khai của cháu C, theo anh H xác định hiện cháu C và cháu G được chị Đ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại cháu C và cháu G nên cần tiếp tục G cháu Phan Hồng C, sinh ngày 05/02/2017 và Phan Quỳnh G, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Kim Đ trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. anh Phan Trọng H có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Phan Trọng H ly hôn chị Nguyễn Thị Kim Đ.
2. Về con chung: G cháu Phan Hồng C, sinh ngày 05/02/2017 và Phan Quỳnh G, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Kim Đ được tiếp tục trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phan Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phan Trọng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006526 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim Đ không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Như